

WEEKLY WRAP

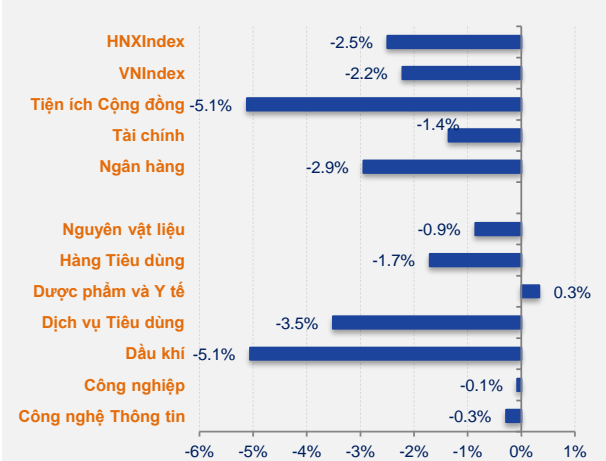
Tuần GD: 2/10/2023 - 6/10/2023

THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA

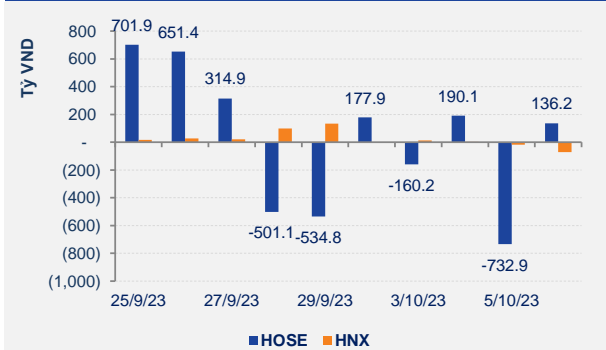
Index Tuần	HOSE	+/-	HNX	+/-
Thống kê thị trường				
Index	1,128.54 ↓	-2.2%	230.45 ↓	-2.5%
KLGD (trCP)	3,202.68 ↓	-19.8%	465.94 ↓	-19.9%
GTGD (tỷ VND)	73,207.96 ↓	-21.2%	8,740.16 ↓	-17.3%
Tổng cung (trCP)	8,089.76 ↓	-10.2%	638.87 ↓	-13.8%
Tổng cầu (trCP)	8,358.81 ↓	-14.1%	638.29 ↓	-9.9%

Giao dịch NĐT nước ngoài				
KL mua (trCP)	153.65 ↓	-37.8%	3.86 ↓	-76.2%
KL bán (trCP)	161.55 ↓	-31.8%	13.39 ↑	191.6%
GT mua (tỷ VND)	4,633.61 ↓	-40.6%	89.81 ↓	-77.7%
GT bán (tỷ VND)	5,022.42 ↓	-29.9%	169.02 ↑	59.3%

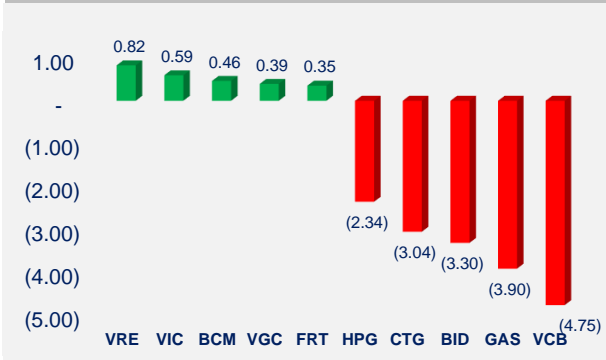
Biến động giá Ngành theo Tuần



Giá trị giao dịch mua ròng của NĐT nước ngoài



Top các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau 03 tuần liên tiếp giảm điểm mạnh trong cuối tháng 09, VN-INDEX bắt đầu tuần đầu tiên của quý IV/2023 với nhiều biến động. Phiên giao dịch đầu quý có thanh khoản thấp nhất kể từ tháng 05/2023. Áp lực bán gia tăng mạnh trong 2 phiên sau đó khiến cho VN-INDEX thậm chí chạm vùng hỗ trợ mạnh tại 1.105 điểm, tương ứng vùng giá MA200 phiên. Phiên giao dịch cuối tuần VN-INDEX tăng điểm, nhưng kết thúc tuần vẫn giảm 2,22% so với tuần trước, qua đó có 04 tuần liên tiếp giảm điểm từ vùng giá quanh 1.250 điểm về mức 1.128,54 điểm. HNX-INDEX cũng giảm 04 tuần liên tiếp với mức giảm 2,50% trong tuần đầu tháng 10/2023 về mức 230,45 điểm.

Trong tuần thanh khoản trên HOSE đạt 73.303,24 tỉ đồng, giảm khá mạnh 21,2% so với tuần trước, khối lượng giao dịch giảm 19,80%, giảm khá nhanh so với các tuần trước, dưới mức trung bình. Thanh khoản HNX giảm 17,3% với 8.740,16 tỉ đồng. Diễn biến trên thể hiện áp lực bán giảm dần trong tuần qua và thị trường phục hồi tốt ở vùng giá trung bình MA200 phiên ở mức quanh 1.105 điểm. Nhà đầu tư nước ngoài gia bán ròng tuần thứ 05 liên tiếp, giá trị bán ròng giảm với 389,1 tỉ đồng; bán ròng trên HNX với giá trị 79,21 tỉ đồng.

Trong tuần thị trường đón nhận nhiều thông tin như PMI ngành sản xuất Việt Nam tháng 9/2023 đạt 49,7 điểm so với 50,5 điểm trong tháng 8; Thị trường châu Âu bắt đầu đánh thuế carbon từ 1/10/2023 đối với các hàng hóa nhập khẩu có nguy cơ ô nhiễm cao như thép, xi măng, phân bón, nhôm, điện và hydro; Thủ tướng ký Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng, thực hiện Đề án chủ trương đầu tư đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam trị giá 58,7 tỉ USD và các dự án đường sắt quan trọng quốc gia.

Nhóm bất động sản tiếp tục có diễn biến kém tích cực trong tuần qua khi đa số vẫn chịu áp lực giảm điểm mạnh, thanh khoản ở mức trung bình như QCG (-14,29%), CEO (-13,15%), DXG (-11,64%), DIG (-11,16%), NVL (-10,90%)... tuy nhiên mức độ phân hóa cũng cải thiện khi có nhiều mã đã phục hồi tốt, thu hút dòng tiền ngắn hạn như TCH (+2,16%), HHS (+1,75%), VHM (+1,21%), HDC (+0,65%)...

Các cổ phiếu nhóm dịch vụ tài chính, chứng khoán đa số cũng có diễn biến tiêu cực, chịu áp lực bán mạnh, thanh khoản trên mức trung bình với CTS (-9,34%), WSS (-5,80%), VCI (-5,45%), BSI (-4,88%)... ngoài một số mã tăng giá khi có thông tin chia cổ tức, dự báo tích cực về kết quả kinh doanh quý III như BVS (+3,91%), SSI (+3,62%), PSI (+2,08%)...

Các cổ phiếu khu công nghiệp, cao su cũng có diễn biến khá tích cực so với thị trường chung khi đa số tăng điểm, thanh khoản cải thiện như DTD (+13,36%), VGC (+9,91%), TIP (+7,53%), GVR (+3,59%)... Trong khi đó nhóm cổ phiếu ngân hàng tiếp tục chịu áp lực điều chỉnh, nhiều mã giảm mạnh ảnh hưởng tiêu cực lên điểm số thị trường như NVB (-9,92%), TPB (-5,88%), EIB (-5,01%), BID (-4,85%), TCB (-4,99%)... ngoài STB (+0,98%), BVB (+0,96%)... phục hồi.

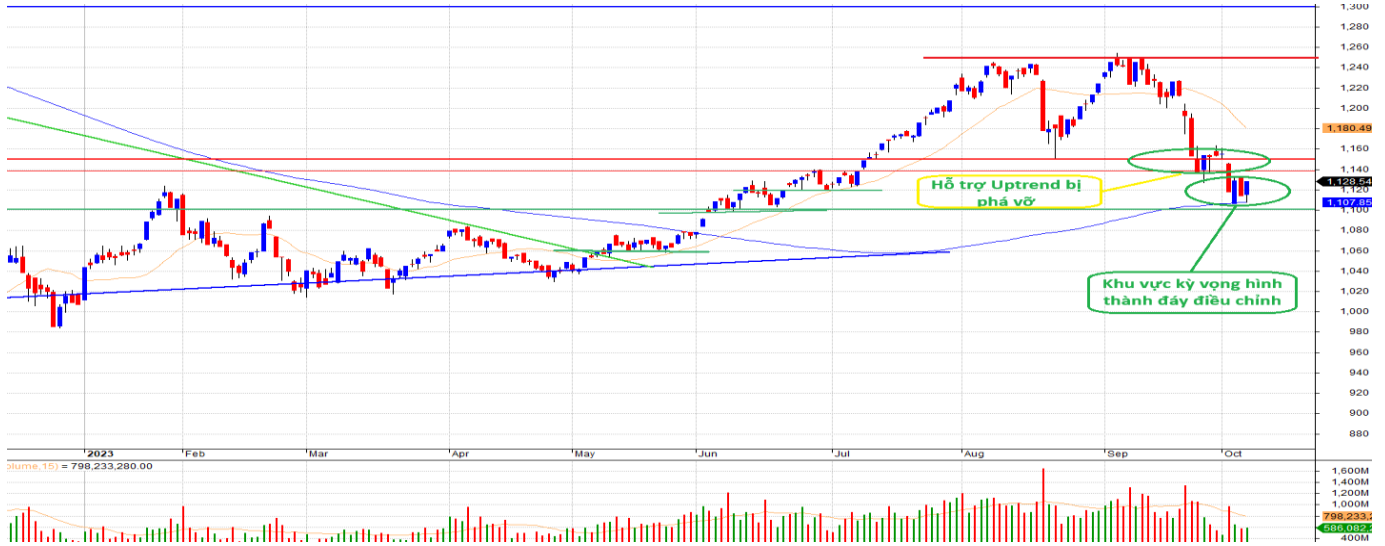
Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2310 kết thúc tuần ở mức 1.138,4 điểm, mức chênh lệch âm -1,38 điểm so với VN30, khối lượng giao dịch trong tuần trên mức trung bình khi các vị thế đầu cơ trong phiên tăng. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2311, VN30F2312, VN30F2403 chênh lệch từ -1,38, điểm đến -15,78 điểm. Các mức chênh giữa các kỳ hạn biến động khá bất thường, đảo ngược trong các phiên giao dịch cho thấy các trader kém lạc quan với chỉ số VN30 và các kỳ vọng liên tục thay đổi thể hiện sự thiếu chắc chắn trong tuần qua.



WEEKLY WRAP

Tuần GD: 2/10/2023 - 6/10/2023

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Tuần thứ 4 điều chỉnh mạnh làm VnIndex đánh mất các ngưỡng hỗ trợ uptrend tại 1.150 điểm và 1.135 điểm, mặc dù phiên phục hồi tốt cuối tuần phát đi tín hiệu thị trường có thể kết thúc nhịp điều chỉnh. Chốt tuần VnIndex đóng cửa ở 1.128,54 điểm (-25,61 điểm, -2,23%). Tuy nhiên do Vn-Index vẫn chưa lấy lại được mốc hỗ trợ 1.135 điểm và thị trường điều chỉnh mạnh với biên độ rộng thời gian qua khiến cho động lực tăng giảm mạnh do đó thị trường sẽ cần nhiều thời gian để tìm điểm cân bằng mới và tích lũy chặt chẽ trở lại, những nỗ lực phục hồi trong thời gian tới sẽ mang tính chất kỹ thuật nhiều hơn.

Về tình hình vĩ mô, nhìn chung kinh tế vĩ mô trong nước đang có nhiều tín hiệu tích cực hơn, GDP đang có xu hướng phục hồi đà tăng trưởng dù tốc độ tăng trưởng chưa đạt kỳ vọng. Tình hình địa chính trị thế giới vẫn tồn tại nhiều bất ổn, kinh tế toàn cầu tăng trưởng thấp và nguy cơ suy thoái vẫn xuất hiện tại một số quốc gia/khu vực, lạm phát toàn cầu vẫn ở mức cao, chính sách thắt chặt tiền tệ tại nhiều nước vẫn chưa cho thấy sẽ sớm kết thúc. Với tình trạng vĩ mô hiện tại, nhịp hồi phục từ đầu năm đã phản ánh kỳ vọng kinh tế sẽ dần ổn định và phục hồi, nếu thị trường chứng lại để tiếp tục tích lũy chờ động thái chuyển động vĩ mô tiếp theo cũng là vận động phù hợp.

Thị trường trong ngắn hạn đang có tín hiệu hình thành đáy để có nhịp phục hồi mới và nhà đầu tư ngắn hạn có khả năng chịu đựng rủi ro cao có thể tham gia giải ngân tại các phiên điều chỉnh với quan điểm thận trọng bởi nhịp hồi nếu hình thành thì cũng chỉ mang tính kỹ thuật. Trong trung, dài hạn thị trường vẫn chưa lấy lại được xu hướng uptrend nhưng sẽ sớm tìm điểm cân bằng mới và tích lũy lại nên rủi ro trung dài hạn không cao. Trong các bản tin ngày và tuần chúng tôi đều khuyến nghị các nhà đầu tư trung và dài hạn giải ngân trong giai đoạn vừa qua từ chân sóng, do đó nếu tuân thủ chiến lược giải ngân nhà đầu tư hoàn toàn đã cơ cấu được danh mục hợp lý.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



WEEKLY WRAP

Tuần GD:

2/10/2023

-

6/10/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
IDC	47.00	43-45	55-57	41	11.8	-27.2%	-62.6%	Theo dõi giải ngân
PVP	14.30	13-14	17.5-18.2	12	4.6	8.3%	235.8%	Theo dõi giải ngân
PHR	48.55	46-48	57-59	43	7.4	-54.5%	136.4%	Theo dõi giải ngân
BSR	19.57	19.5-21	25.5-26	18	12.3	-35.7%	-86.8%	Theo dõi giải ngân
BVS	26.00	24-25.6	29-30	22	10.1	1.2%	415.3%	Theo dõi giải ngân
MBS	22.00	18.5-20	24-25	17.5	21.2	-21.8%	2.6%	Theo dõi giải ngân
VHM	46.05	43.5-46	61-63	41	4.5	634.5%	1348.3%	Theo dõi giải ngân
KBC	31.65	28-29.5	34-35	27	7.9	421.1%	294.5%	Theo dõi giải ngân
DPM	38.05	38-38.7	44-46	35	5.9	-26.1%	-92.4%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thể	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
19/05/2023	DPR	32.00	25.9	35-37	30	23.6%	Nắm giữ
02/08/2023	VNM	74.20	72.95	87-89	78	1.7%	Nắm giữ
28/09/2023	BSR	19.57	21.7	26-28	19	-9.8%	Nắm giữ
06/10/2023	VHM	46.05	45	61-63	42	2.3%	Giải ngân giá 45

TIN VĨ MÔ

Ngân hàng dự báo mặt bằng lãi suất huy động và cho vay tiếp tục giảm 0,26 - 0,35% trong quý 4/2023

Theo kết quả điều tra xu hướng kinh doanh của các tổ chức tín dụng quý 4/2023 do Vụ Dự báo, Thống kê (Ngân hàng Nhà nước) thực hiện, các ngân hàng đồng loạt hạ dự báo về tăng trưởng tiền gửi và tăng trưởng tín dụng của năm 2023... Đối tượng khảo sát là toàn bộ các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, tỷ lệ trả lời đạt 97%. Theo kết quả điều tra, tỷ lệ tổ chức tín dụng nhận định nhu cầu vay vốn của khách hàng trong quý 3/2023 là "cải thiện" đạt mức thấp hơn so với quý 2/2023 và thấp hơn mức kỳ vọng tại kỳ điều tra trước. Nhu cầu gửi tiền, sử dụng dịch vụ thanh toán và thẻ được nhận định tiếp tục "cải thiện" ở mức thấp trong quý 3/2023 so với quý trước.

Đề xuất tiếp tục giảm thuế VAT trong 6 tháng đầu năm 2024

Trong Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 năm 2023 và Hội nghị trực tuyến Chính phủ với địa phương, Chính phủ đã giao Bộ Tài chính tiếp tục triển khai hiệu quả các chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất đã được ban hành. Đối với các chính sách có hiệu lực hết năm 2023, Chính phủ yêu cầu chủ động nghiên cứu, rà soát, xem xét, kịp thời đề xuất, báo cáo cấp có thẩm quyền gia hạn trong trường hợp cần thiết để tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh và đời sống nhân dân. Hiện theo Nghị định số 44 của Chính phủ, việc giảm 2% thuế VAT sẽ kết thúc vào ngày 31/12/2023.

Ngân sách năm 2023 ước bội chi khoảng 4% GDP

Bội chi ngân sách năm nay ước bằng 4% GDP, thấp hơn mức Bộ Tài chính dự toán trước đó 4,42%, nhưng đánh dấu mức tăng trở lại sau dịch Covid-19. Thông tin này được đề cập tại báo cáo của Bộ Tài chính gửi Chính phủ về tình hình nợ công 2023, dự kiến kế hoạch vay và trả nợ 2024. Cơ quan này cho biết năm nay, Việt Nam đối mặt với nhiều khó khăn khi phải ứng phó trước những biến động bên ngoài và nội tại nền kinh tế. Xuất nhập khẩu, đầu tư nước ngoài - những động lực tăng trưởng quan trọng của nền kinh tế - chững lại hoặc giảm sút so với cùng kỳ 2022. Nhiều doanh nghiệp kinh doanh hàng xuất khẩu phải giảm quy mô sản xuất hoặc lao động.

Chính phủ yêu cầu NHNN điều hành chính sách tiền tệ không tạo ra những biến động mạnh, thay đổi đột ngột

Chính phủ yêu cầu NHNN bám sát diễn biến thị trường để tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt,..., không tạo ra những biến động mạnh, thay đổi đột ngột, ảnh hưởng đến tâm lý thị trường, doanh nghiệp, nhà đầu tư, người dân. Chính phủ vừa ban hành Nghị quyết 164/NQ-CP ngày 4/10/2023 phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 năm 2023 và Hội nghị trực tuyến Chính phủ với địa phương. Trong 9 tháng đầu năm, kinh tế vĩ mô tiếp tục được duy trì cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát, tăng trưởng được thúc đẩy, các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm. Tăng trưởng kinh tế quý III ước tăng 5,33% so với cùng kỳ năm trước, tính chung 9 tháng tăng 4,24%, thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao trong khu vực và trên thế giới. □

TIN DOANH NGHIỆP

Thiên Long (TLG) báo lãi tháng 8 đạt 28 tỷ đồng, gấp 3 lần tháng trước

CTCP Tập đoàn Thiên Long (mã chứng khoán TLG - sàn HOSE) mới thông báo tình hình sản xuất kinh doanh tháng 8 của Công ty. Trong 8 tháng đầu năm, doanh thu thuần của Tập đoàn Thiên Long đạt 2.511 tỷ đồng, giảm nhẹ so với cùng kỳ và lợi nhuận sau thuế đạt 305 tỷ đồng, giảm 23%. Riêng tháng 8, Thiên Long ghi nhận doanh thu thuần đạt 293 tỷ đồng, giảm gần 9% so với cùng kỳ năm ngoái. Theo đó, lãi sau thuế giảm hơn 30%, về mức 28 tỷ đồng. Tuy nhiên, khoản lãi này vẫn cao gấp 3 lần kết quả tháng trước. Năm 2023, Thiên Long lên kế hoạch 4.000 tỷ đồng doanh thu và 400 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế. Như vậy, sau 8 tháng, Tập đoàn đã thực hiện được 63% chỉ tiêu doanh thu và 76% chỉ tiêu lợi nhuận năm.

FiinRatings công bố xếp hạng tín nhiệm lần đầu cho TPS ở mức “BBB-” với “Triển vọng Ổn định”

Ngày 06/10/2023, Công ty cổ phần Chứng khoán Tiên Phong (TPS - mã chứng khoán ORS) công bố kết quả xếp hạng tín nhiệm lần đầu bởi FiinRatings ở mức “BBB-” với “Triển vọng Ổn định”. Triển vọng xếp hạng “Ổn định” đối với TPS phản ánh kỳ vọng của FiinRatings về việc TPS sẽ tiếp tục được hưởng lợi từ vai trò chiến lược của TPS trong hệ sinh thái của một trong những ngân hàng thương mại lớn tại Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (TPBank) trong trung hạn.

Khải Hoàn Land (KHG) lên kế hoạch phát hành riêng lẻ tối đa 180 triệu cổ phiếu với giá tối thiểu 10.000 đồng/cổ phiếu

Sau kế hoạch phát hành tối đa 840 tỷ đồng trái phiếu, CTCP Tập đoàn Khải Hoàn Land (mã KHG - sàn HoSE) tiếp tục thông qua kế hoạch chào bán tối đa 180 triệu cổ phiếu. Ngày 5/10, Khải Hoàn Land thông qua kế hoạch chào bán riêng lẻ tối đa 180 triệu cổ phiếu cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. Trong đó, giá chào bán dự kiến thỏa mãn điều kiện không thấp hơn mệnh giá cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu); không thấp hơn bình quân giá đóng cửa 20 phiên giao dịch liền trước ngày Hội đồng quản trị quyết định phương án chào bán chi tiết.

Nam Sông Hậu (PSH) chưa trả lãi cho trái phiếu mệnh giá 400 tỷ đồng

Đến hạn trả lãi trái phiếu với dư nợ 358,5 tỷ đồng, CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu (mã PSH - sàn HOSE) kéo dài thời gian trả lãi từ ngày 4/10 sang ngày 14/10. Ngày 4/10/2023, Nam Sông Hậu phải thanh toán lãi 10,04 tỷ đồng trái phiếu mã PSHH2224002 nhưng Công ty chưa thanh toán, dự kiến thanh toán ngày 14/10. Lý do được Nam Sông Hậu đưa ra do công ty chưa thu xếp đầy đủ nguồn thanh toán.

HOSE
Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VIX	4,801,943	POW	(5,787,167)
2	SSI	4,134,427	CTG	(4,265,711)
3	VRE	4,091,360	VPB	(3,832,434)
4	VND	2,355,998	FUEVFNVD	(3,224,800)
5	DXG	1,991,723	MSN	(2,524,812)

HNX

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	TIG	808,000	PSI	(8,916,300)
2	IDC	722,140	PVS	(788,450)
3	BVS	251,200	SVN	(650,000)
4	SHS	205,925	TNG	(365,900)
5	PVG	165,100	CEO	(300,214)

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VIX	15.75	15.15	↓ -3.81%	173,594,707
SSI	31.80	32.95	↑ 3.62%	141,934,709
VND	21.00	20.90	↓ -0.48%	139,186,300
HPG	26.30	24.95	↓ -5.13%	105,067,401
DIG	25.10	22.30	↓ -11.16%	96,218,500

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	17.20	17.30	↑ 0.58%	133,363,124
CEO	21.30	18.50	↓ -13.15%	45,186,528
PVS	38.60	36.80	↓ -4.66%	37,627,983
HUT	24.50	23.00	↓ -6.12%	30,877,136
MBS	22.80	22.00	↓ -3.51%	26,631,150

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
YEG	11.95	15.30	3.4	↑ 28.03%
RDP	9.29	11.30	2.0	↑ 21.64%
SRC	19.80	23.50	3.7	↑ 18.69%
VMD	20.50	23.20	2.7	↑ 13.17%
HUB	17.00	18.75	1.8	↑ 10.29%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SDG	16.80	21.20	4.4	↑ 26.19%
BTW	34.50	41.80	7.3	↑ 21.16%
THB	8.60	10.40	1.8	↑ 20.93%
VE8	4.50	5.40	0.9	↑ 20.00%
ARM	21.80	26.10	4.3	↑ 19.72%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong tuần

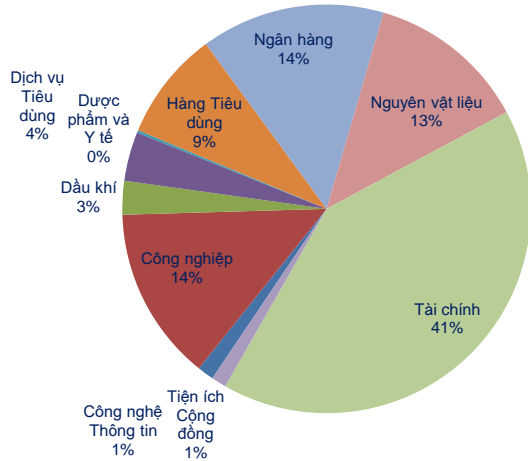
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TNC	65.90	53.20	-12.7	↓ -19.27%
TMS	57.40	46.50	-10.9	↓ -18.99%
QCG	11.55	9.90	-1.7	↓ -14.29%
PTL	5.62	4.85	-0.8	↓ -13.70%
SJF	3.56	3.09	-0.5	↓ -13.20%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HHC	130.00	105.30	-24.7	↓ -19.00%
VHL	17.60	15.00	-2.6	↓ -14.77%
PV2	3.40	2.90	-0.5	↓ -14.71%
EVS	10.10	8.70	-1.4	↓ -13.86%
CEO	21.30	18.50	-2.8	↓ -13.15%

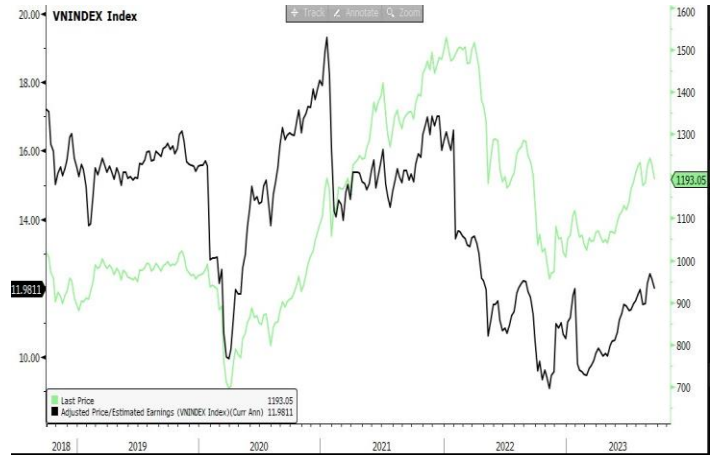
(*) Giá điều chỉnh



Giá trị giao dịch tuần theo Ngành



Chuỗi PE ngành và thị trường



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	173,594,707	7.0%	839	16.9	1.1
SSI	141,934,709	7.3%	1,093	29.0	2.2
VND	139,186,300	3.9%	467	41.9	1.6
HPG	105,067,401	-2.0%	-328	-	1.5
DIG	96,218,500	1.2%	152	143.2	1.7

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	133,363,124	4.3%	507	32.7	1.4
CEO	45,186,528	7.7%	913	20.0	1.5
PVS	37,627,983	7.2%	1,953	18.6	1.3
HUT	30,877,136	1.3%	126	179.1	5.2
MBS	26,631,150	10.0%	1,037	20.2	1.9

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
YEG	↑ 28.0%	2.4%	640	22.3	0.8
RDP	↑ 21.6%	1.1%	152	69.9	0.8
SRC	↑ 18.7%	1.1%	178	123.4	1.5
VMD	↑ 13.2%	9.7%	2,626	8.4	0.8
HUB	↑ 10.3%	10.1%	2,091	8.9	0.9

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SDG	↑ 26.2%	2.1%	970	21.9	0.5
BTW	↑ 21.2%	21.8%	5,789	6.7	1.5
THB	↑ 20.9%	3.6%	475	21.9	0.8
VE8	↑ 20.0%	-50.2%	-3,573	-	0.9
ARM	↑ 19.7%	11.0%	1,259	20.8	2.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	4,801,943	7.0%	839	16.9	1.1
SSI	4,134,427	7.3%	1,093	29.0	2.2
VRE	4,091,360	10.6%	1,588	16.9	1.7
VND	2,355,998	3.9%	467	41.9	1.6
DXG	1,991,723	-1.4%	-317	-	0.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
TIG	808,000	7.6%	1,091	9.6	0.7
IDC	722,140	20.7%	3,969	11.6	2.4
BVS	251,200	8.3%	2,576	10.3	0.8
SHS	205,925	4.3%	507	32.7	1.4
PVG	165,100	2.8%	383	25.0	0.7

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	472,278	23.0%	5,797	14.6	3.1
BID	210,435	19.0%	4,025	10.3	1.8
VHM	193,987	29.1%	10,341	4.3	1.1
GAS	193,386	20.3%	5,567	15.1	2.9
VIC	173,915	3.9%	1,395	32.7	1.3

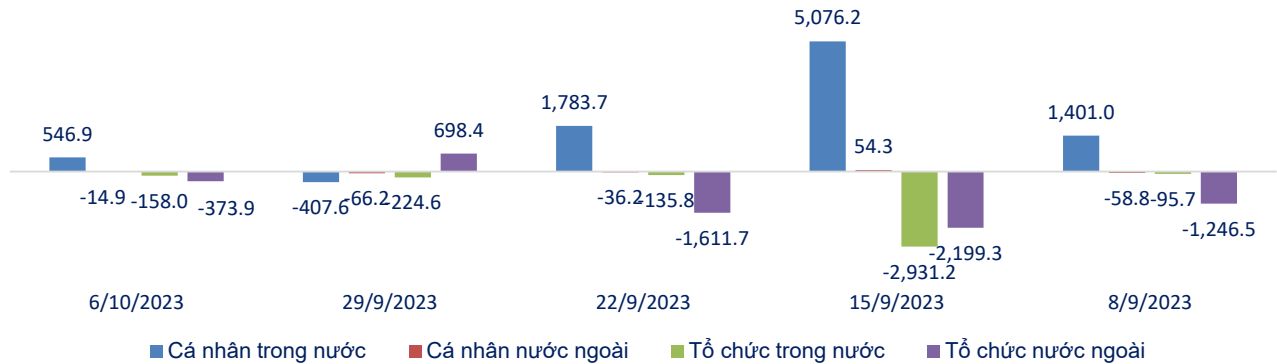
Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	20,082	1.3%	126	179.1	5.2
PVS	17,398	7.2%	1,953	18.6	1.3
IDC	15,180	20.7%	3,969	11.6	2.4
THD	13,590	2.9%	458	77.0	2.2
SHS	13,498	4.3%	507	32.7	1.4



GIAO DỊCH THEO LOẠI NHÀ ĐẦU TƯ

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSN	221.31	3.6%	919	79.2	2.8
VPB	145.91	11.1%	1,728	12.0	1.3
VCI	98.40	5.0%	783	48.4	2.2
FPT	89.17	22.1%	4,596	19.9	4.1
MWG	78.57	6.6%	1,069	44.0	3.0

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	-164.66	7.3%	1,093	29.0	2.2
VRE	-126.12	10.6%	1,588	16.9	1.7
HCM	-92.29	7.2%	1,250	23.2	1.7
DGC	-72.24	36.6%	10,780	8.6	3.0
VND	-46.45	3.9%	467	41.9	1.6

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MBB	9.34	22.3%	3,496	5.2	1.1
VHM	3.38	29.1%	10,341	4.3	1.1
HPG	3.24	-2.0%	(328)	-	1.5
VIC	2.56	3.9%	1,395	32.7	1.3
SKG	2.37	8.9%	1,217	12.3	1.1

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	-9.52	22.1%	4,596	19.9	4.1
BWE	-7.56	16.0%	3,700	12.5	1.9
VND	-6.64	3.9%	467	41.9	1.6
SSI	-5.99	7.3%	1,093	29.0	2.2
MWG	-5.91	6.6%	1,069	44.0	3.0

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HCM	96.74	7.2%	1,250	23.2	1.7
FUEVFVND	78.05	N/A	N/A	N/A	N/A
CTG	72.20	15.8%	3,664	7.7	1.1
FRT	56.37	-2.3%	(327)	-	7.2
GMD	46.40	26.9%	7,571	8.5	2.0

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	-100.92	22.1%	4,596	19.9	4.1
VPB	-64.13	11.1%	1,728	12.0	1.3
VIX	-59.58	7.0%	839	16.9	1.1
VNM	-57.54	23.9%	3,937	18.5	4.1
GAS	-43.97	20.3%	5,567	15.1	2.9

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

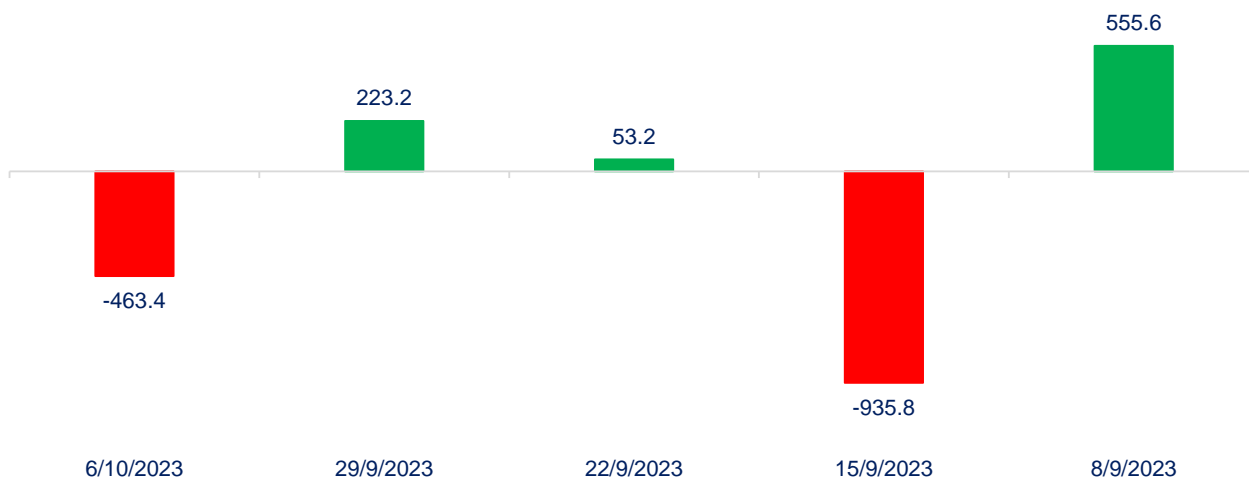
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	137.36	7.3%	1,093	29.0	2.2
VRE	112.57	10.6%	1,588	16.9	1.7
DGC	97.21	36.6%	10,780	8.6	3.0
VIX	73.23	7.0%	839	16.9	1.1
VNM	58.51	23.9%	3,937	18.5	4.1

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

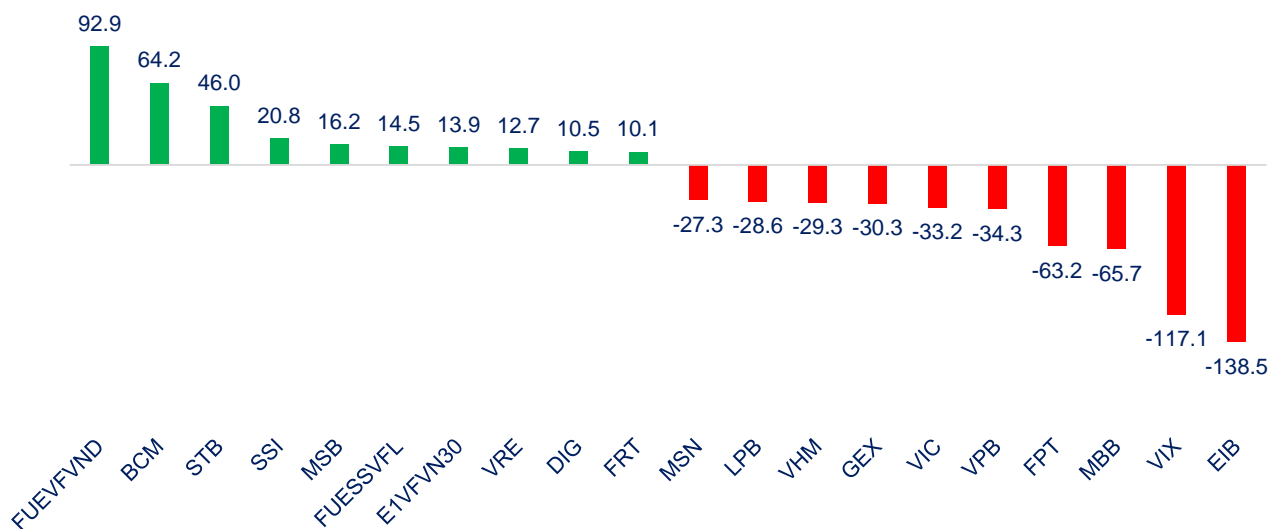
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSN	-185.14	3.6%	919	79.2	2.8
CTG	-125.60	15.8%	3,664	7.7	1.1
VCI	-84.08	5.0%	783	48.4	2.2
VPB	-84.08	11.1%	1,728	12.0	1.3
FUEVFVND	-83.17	N/A	N/A	N/A	N/A



Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





LỊCH SỰ KIỆN TRONG TUẦN

Ngày thông báo	Ngày thực hiện	Ngày ĐKCC	Ngày GDKHQ	Mã CK	Loại sự kiện
7/6/2023	6/10/2023	16/6/2023	15/6/2023	THG	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16/6/2023	6/10/2023	30/6/2023	29/6/2023	IJC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23/8/2023	6/10/2023	5/9/2023	31/8/2023	VCB	Đại hội Cổ đông Bất thường
20/9/2023	6/10/2023	27/9/2023	26/9/2023	TW3	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13/9/2023	6/10/2023	20/9/2023	19/9/2023	NDX	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2/11/2020	9/10/2023	6/10/2023	6/10/2023	IMP	Niêm yết thêm
1/6/2023	9/10/2023	26/6/2023	23/6/2023	ND2	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23/8/2023	9/10/2023	7/9/2023	6/9/2023	HC1	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21/8/2023	9/10/2023	8/9/2023	7/9/2023	DNA	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28/8/2023	9/10/2023	8/9/2023	7/9/2023	BPC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8/9/2023	9/10/2023	15/9/2023	14/9/2023	CCA	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12/9/2023	9/10/2023	29/9/2023	28/9/2023	DKW	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
14/8/2023	10/10/2023	25/8/2023	24/8/2023	VSN	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11/9/2023	10/10/2023	22/9/2023	21/9/2023	HTV	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8/9/2023	10/10/2023	18/9/2023	15/9/2023	TA3	Đại hội Cổ đông Bất thường
15/9/2023	10/10/2023	22/9/2023	21/9/2023	PLX	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12/9/2023	10/10/2023	26/9/2023	25/9/2023	DOC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12/9/2023	10/10/2023	25/9/2023	22/9/2023	DC1	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25/9/2023	10/10/2023	29/9/2023	28/9/2023	DWS	Trả cổ tức bằng tiền mặt
29/8/2023	11/10/2023	12/9/2023	11/9/2023	SNC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28/9/2023	11/10/2023	4/10/2023	3/10/2023	QHW	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24/8/2023	12/10/2023	7/9/2023	6/9/2023	BTS	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11/9/2023	12/10/2023	18/9/2023	15/9/2023	SDA	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
22/9/2023	12/10/2023	29/9/2023	28/9/2023	BXH	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25/9/2023	12/10/2023	5/10/2023	4/10/2023	SPD	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
19/9/2023	12/10/2023	13/10/2023	12/10/2023	CTF	Phát hành cổ phiếu
19/9/2023	12/10/2023	29/9/2023	28/9/2023	TDW	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15/9/2023	12/10/2023	2/10/2023	29/9/2023	CLL	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6/9/2023	13/10/2023	14/9/2023	13/9/2023	HRC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21/9/2023	13/10/2023	29/9/2023	28/9/2023	IDC	Trả cổ tức bằng tiền mặt



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
